

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 203/2024/DS-PT
Ngày 16/8/2024
“*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng
đất bị lấn chiếm*”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Trung.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Mộc Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Trương Minh Điền, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024, về “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất bị lấn chiếm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 128/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tô Ngọc P, sinh năm 1976, địa chỉ: Số E, ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hàng Hữu T, sinh năm 1982, địa chỉ: Khóm A, thôn D, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, theo văn bản ủy quyền ngày 28/6/2024 (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1954, địa chỉ: Số E, ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Lưu Văn S, sinh năm 1972, địa chỉ: Số E, ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền ngày 22/7/2024 (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lưu Văn S, sinh năm 1972 (có mặt).

2/ Bà Hồ Thị Ú, sinh năm 1975 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

3/ Ông Lưu Văn B, sinh năm 1975 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

4/ Bà Võ Thị L, sinh năm 1981 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

5/ Ông Lưu Văn S1, sinh năm 1950 (chết năm 2022).

Những người thừa kế tổ tụng của ông S1: Bà Trần Thị T1, ông Lưu Văn S, ông Lưu Văn B, ông Lưu Văn T2 và ông Lưu Văn C.

6/ Ông Lưu Văn T2, sinh năm 1979 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

7/ Ông Lưu Văn C, sinh năm 1984 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số E, ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

8/ Ông Tạ Thành L1, sinh năm 1951 (có mặt).

9/ Bà Trang Thị H, sinh năm 1957 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số E, ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Ông Lưu Văn S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2019, khởi kiện bổ sung ngày 06/4/2022 và trong quá trình giải quyết án, người đại diện nguyên đơn trình bày:

Nguyên vào năm 1956, cụ Tạ Thành K (ông ngoại bà Tô Ngọc P) có nhận chuyển nhượng của ông Ngô Văn P1 phần đất có chiều ngang 11,5m; dài 35m, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Sau đó cụ K mới chuyển nhượng lại một phần đất cho cụ Bảy X (mẹ của bà Trần Thị T1) có diện tích ngang 03m, dài 35m. Trong quá trình sử dụng cụ K có chừa một phần đất ngang khoảng 0,7m làm lối đi gánh nước và đặt ống dẫn nước đồng thời cụ Bảy X cũng sử dụng nhờ đường hẻm này. Đến năm 1984, Nhà nước có nạo vét sông G (L) thì cụ X mới sửa lại nhà tre lá và lấn chiếm đôn tay phần không gian con hẻm. Sau đó B1 hòa giải có đến xác minh và buộc cụ X cưa bỏ đôn tay phần lấn chiếm. Đến năm 1985, cụ Tạ Thành K chết để lại phần đất trên cho bà Trần Thị Ú1 (Mẹ bà Tô Ngọc P) sử dụng. Đến năm 2014, đoàn đo đạc cấp giấy lần đầu cho các hộ dân và bà P được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 13/01/2016 thuộc thửa đất số 322, tờ bản đồ số 30, diện tích 127,8m², đất tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất được cấp có bề ngang phía trước giáp với đường bê tông số đo 3,87m; bề ngang phía sau giáp với mương có số đo 4,22m; dài hai cạnh là 32,35m và 31,34m.

Đến tháng 4/2018, bà Trần Thị T1 dỡ bỏ nhà cũ xây dựng nhà mới kiên cố và có lấn vào phần đất của bà P phần đất chiều ngang giáp với đường bê tông có số đo 0,12m; chiều dài hết thửa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn yêu cầu giải quyết: Phần diện tích lấn chiếm là 07m² (theo đo đạc thực tế) thuộc thửa số 322, phía bị đơn đã xây dựng bức tường chiếm diện tích 5,2m² nên đồng ý cho bị đơn ổn định nhưng phải trả giá trị đất; phần còn lại 1,8m² yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị T1 phải tháo dỡ phần xây dựng (nhà tiền chế) trả lại đất cho bà P.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của bị đơn trình bày:

Phần đất bà Trần Thị T1 đang sử dụng và đang tranh chấp có nguồn gốc của cụ Trần Thị H1 (Mẹ của bà Trần Thị T1) nhận chuyển nhượng của cụ Tạ Thành K (Ông ngoại của bà Tô Ngọc P). Việc chuyển nhượng có làm giấy tờ nhưng do thời gian đã lâu nên đã bị thất lạc. Phần đất cụ H1 nhận chuyển nhượng có diện tích chiều ngang 3,5m chạy dài 35m. Vào năm 1984, Nhà nước nạo vét sông L (sông G) nên toàn bộ hộ dân từ huyện đội chạy dài đến nhà máy V đều bị mất đất vì vậy Nhà nước đã trang trải lại cho các hộ dân. Trong đó có một số đất của hộ dân không sử dụng do bỏ đi nước ngoài thì Nhà nước thu hồi chia đều cho các hộ dân còn lại đang sử dụng. Theo danh sách hộ dân được cấp đất do Ủy ban nhân dân thị trấn L Thượng đang quản lý thì hộ bà T1 được sử dụng có chiều ngang 04m. Gia đình bà Trần Thị T1 cất nhà trên nền đất cũ có từ năm 1984, diện tích xây dựng nhà chiều ngang chưa đến 04m. Do vậy, bà T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P về việc đòi lại đất bị lấn chiếm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Tạ Thành L1 trình bày:

Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Tô Ngọc P về việc bà T1 lấn chiếm đất, vì nguồn gốc phần đất này là của cụ Tạ Thành K nhận chuyển nhượng của cụ Ngô Văn P1 diện tích: 402,5m² (ngang 11,5 m, dài 35 m). Sau đó, cụ K chuyển nhượng cho cụ Bảy X (mẹ của bà Trần Thị T1) diện tích 105m² (ngang 03m, dài 35m) là một phần trong thửa đất nêu trên. Nhưng sau khi cụ Bảy X qua đời thì bà Trần Thị T1 cứ lấn dần chiều ngang của phần đất được cụ K chuyển nhượng nên hiện tại đất của bà Trần Thị T1 rộng hơn 03m chiều ngang.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 21/02/2024, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

“Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại quyền sử dụng đất bị lấn chiếm với diện tích 1,8m² của nguyên đơn bà Tô Ngọc P.

2. Buộc bà Trần Thị T1 và các con gồm: ông Lưu Văn S, bà Hồ Thị Ú, ông Lưu Văn B, bà Võ Thị L, ông Lưu Văn T2 và ông Lưu Văn C có nghĩa vụ tháo dỡ phần xây dựng giao trả phần đất lấn chiếm diện tích 1,8m² (theo đo đạc

thực tế) thuộc thửa 322 tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cho bà Tô Ngọc P. Phần đất giao trả có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp lộ đal có số đo 0,10m;
- Hướng Tây giáp giáp bức tường nhà của bà Trần Thị T1 có số đo 0,10m;
- Hướng Nam giáp thửa số 322 có số đo 17,75m;
- Hướng Bắc giáp thửa số 321 có số đo 17,75m;

3. Buộc bà Trần Thị T1 và các con gồm: ông Lưu Văn S, bà Hồ Thị Ú, ông Lưu Văn B, bà Võ Thị L, ông Lưu Văn T2 và ông Lưu Văn C có nghĩa vụ liên đới hoàn trả giá trị phần đất lấn chiếm là $5,2m^2 \times 600.000đ/m^2 = 3.120.000đ$ (Ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

4. Phần đất bà Tô Ngọc P được quyền sử dụng có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp lộ đal có số đo $3,56m + 0,17m + 0,10m$ (3,83m);
- Hướng Tây giáp giáp mương thoát nước có số đo $3,71m + 0,35m$ (4,06m);
- Hướng Nam giáp thửa 323 có số đo 31,22m;
- Hướng Bắc giáp thửa 321 có số đo $14,55m + 17,73m$;

Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự có trách nhiệm làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định của pháp luật về đất đai (Kèm theo sơ đồ bản vẽ). ”

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/3/2024, ông Lưu Văn S có đơn kháng cáo không đồng ý quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc buộc gia đình ông phải hoàn trả giá trị đất 3.120.000 đồng, tháo dỡ giao trả diện tích đất ngang 0,1m dài 17,75m, vì các phần đất này thuộc quyền sử dụng của gia đình ông, đồng thời phần đất buộc gia đình ông giao trả cho nguyên đơn là nằm trong hành lang lộ giới nhưng cấp sơ thẩm lại giao trả cho nguyên đơn là chưa đúng quy định pháp luật.

Ngày 18/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng có Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-DS đề nghị hủy bản án sơ thẩm, với lý do: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Lưu Văn S1 chết nhưng cấp sơ thẩm chưa xác định những người thừa kế tố tụng của ông S1; cấp sơ thẩm tuyên xử buộc bà Trần Thị T1 và những người con của bà T1 phải hoàn trả số tiền 3.120.000 đồng nhưng lại không ghi giao trả số tiền này cho ai; đồng thời không công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã hoàn trả giá trị; không ghi nội dung chịu tiền lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án đối với nghĩa vụ trả tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-DS, ngày 18/3/2024: Cấp sơ thẩm không ghi những người thừa kế tố tụng của ông Lưu Văn S1 đã chết trong quá trình giải quyết vụ án là thiếu sót, tuy nhiên những người con của ông S1 đều có tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm nên vi phạm không nghiêm trọng; về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quyết định kháng nghị nêu trên sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn S1 chết, nhưng cấp sơ thẩm không xác định những người thừa kế tố tụng của ông S1 là thiếu sót. Tuy nhiên những người thừa kế của ông S1 đều có tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm nên thiếu sót không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, cấp phúc thẩm khắc phục bổ sung nội dung này.

[2] Vị trí, hiện trạng phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn: Thửa đất số 322 của bà Tô Ngọc P và thửa đất 321 của bà Trần Thị T1, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Hai thửa đất giáp ranh nhau có tổng chiều dài là 32,3m. Bà P cho rằng bà T1 xây dựng nhà tiền chế (phía trước giáp lề lộ bê tông) và nhà chính kiên cố (đoạn phía trước nối tiếp nhà tiền chế) lấn ranh qua thửa đất số 322 của bà chiều ngang 0,1m, chiều dài tổng cộng 17,75m (trong đó nhà tiền chế dài 5,5m, nhà chính là 12,25m), đoạn giáp ranh phía sau còn lại dài 14,55m thì không có tranh chấp. Bà T1 trình bày là xây dựng nhà chính và nhà tiền chế đúng ranh không có lấn chiếm đất của bà P. Theo kết quả thẩm định của Tòa án nhân dân tỉnh ngày 07/8/2024 thì hiện trạng tài sản trên phần đất tranh chấp phía bà T1 đã xây dựng bức tường nhà tiền chế dày 0,1m dài 5,5m và nối tiếp là bức tường nhà chính kiên cố dày 0,1m dài 12,25m.

[3] Xem xét giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 322, UBND huyện T cấp cho bà Tô Ngọc P ngày 13/01/2016 thể hiện chiều ngang phía trước giáp lề bê tông là 3,87m và chiều ngang phía sau hậu giáp ruộng nước là 4,22m. Đối chiếu hiện trạng thửa đất 322, bà P sử dụng thực tế chiều ngang giáp lề bê tông là 3,73, chiều ngang phía sau giáp ruộng nước là 4,06m. Đối với thửa đất số 321 của bà Trần Thị T1 hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Lưu Văn S (là con của bà T1 và là người đại diện của bà T1) trình bày nguồn gốc thửa đất này là của Trần Thị H1 (mẹ bà T1) nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T3, có cung cấp cho Tòa án “Tờ nhượng đất” lập ngày 25/8/1969. Qua xem xét “Tờ nhượng đất” thể hiện diện tích đất nhận chuyển

nhượng chiều ngang là 3,5m, chiều dài 40m. Đối chiếu với hiện trạng thửa đất 321 bà T1 đang sử dụng chiều ngang giáp lộ bê tông là 3,89m (đã bao gồm 0,1m đất tranh chấp). Ông S cho rằng vào năm 1984, nhà nước nạo vét sông L (sông G) nên toàn bộ hộ dân trong đó có gia đình ông bị mất đất nên được Nhà nước trang trải đất lại cho các hộ dân, vì vậy gia đình ông được sử dụng chiều ngang 04m (thêm 0,5m so với giấy chuyển nhượng), tuy nhiên ông không cung cấp được chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày này là có căn cứ.

[4] Qua đối chiếu hiện trạng sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng của thửa đất 322 của bà Tô Ngọc P có cơ sở xác định, chiều ngang thửa đất 322 bà P đang sử dụng là còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Hiện trạng sử dụng thửa đất 321 của bà T1 chiều ngang rộng hơn số đo ghi trong “Tờ nhượng đất” lập ngày 25/8/1969 mà phía bà cung cấp cho Tòa án. Do vậy có căn cứ xác định, bà T1 đã xây dựng bức tường nhà tiền chế và nhà chính lấn ranh qua thửa đất 322 của bà Phương diện t chiều ngang 0,1m và chiều dài 17,75m theo như yêu cầu khởi kiện của bà P.

[5] Hiện trạng bức tường nhà tiền chế bà T1 xây dựng là bán kiên cố có thể phá dỡ để giao trả lại diện tích đất lấn chiếm chiều ngang 0,1m, chiều 5,5m. Riêng đối với căn nhà chính bức tường là một bên vách của căn nhà gắn liền với kết cấu móng đà và trụ cột bê tông cốt thép không thể phá dỡ để giao trả lại diện tích đất lấn chiếm, nên cần phải buộc hoàn trả lại giá trị đất là $(0,1\text{m} \times 12,25\text{m}) \times 600.000\text{đ}/\text{m}^2 = 735.000$ đồng, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của bà P cũng thống nhất đồng ý nhận giá trị đất này.

[6] Xét Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-DS, ngày 18/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đối với bản án sơ thẩm về việc: Cấp sơ thẩm tuyên xử buộc bà Trần Thị T1 và những người con của bà T1 phải hoàn trả số tiền 3.120.000 đồng nhưng lại không ghi giao trả số tiền này cho ai; đồng thời không công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đã hoàn trả giá trị; không ghi nội dung chịu tiền lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án đối với nghĩa vụ trả tiền. Nội dung là kháng nghị là có căn cứ và đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bên cạnh đó, cấp sơ thẩm còn sai sót trong việc xác định: Diện tích đất tranh chấp buộc bà T1 phá dỡ tài sản để giao trả đất cho bà P; diện tích đất tranh chấp ổn định cho bà T1 được quyền sử dụng hoàn trả giá trị cho bà P là chưa đúng với hiện trạng thực tế của phần đất tranh chấp giữa các bên, nên cấp phúc thẩm phải sửa án sơ thẩm.

[7] Căn cứ vào các tình tiết phân tích nêu trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lưu Văn S, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là sửa Bản án sơ thẩm.

[8] Về chi phí tố tụng phúc thẩm: Chi phí thẩm định lại phần đất tranh chấp là 990.000 đồng, ông Lưu Văn S phải chịu, ông đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lưu Văn S phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lưu Văn S;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-DS, ngày 18/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

Sửa bản án sơ thẩm 06/2024/DS-ST ngày 21/02/2024, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Ngọc P đối với bà Trần Thị T1 về việc “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất bị lấn chiếm”:

Buộc bà Trần Thị T1 và những người con là ông Lưu Văn S, ông Lưu Văn B, ông Lưu Văn T2, ông Lưu Văn C, bà Hồ Thị Ú và bà Võ Thị L có nghĩa vụ tháo dỡ, phá dỡ bức tường và vật dụng của nhà tiền chế đã xây dựng lấn chiếm qua thửa đất 322 để giao trả đất cho bà Tô Ngọc P. Diện tích đất lấn chiếm là 0,55m², tại thửa số 322, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, kích thước chiều ngang giáp lộ bê tông 0,1m và chiều dài là 5,5m (tính từ giáp lộ bê tông đến giáp nhà chính của bà T1).

Buộc bà Trần Thị T1 phải hoàn trả giá trị phần đất lấn chiếm đã xây dựng bức tường nhà chính kiến cố với diện tích 1,225m², tại thửa 322 cho bà Tô Ngọc P với số tiền 735.000 đồng (bảy trăm ba mươi lăm ngàn đồng). Ôn định cho bà T1 được quyền sử dụng đối với diện tích đất đã bồi hoàn giá trị, cụ thể: Diện tích 1,225m², tại thửa số 322, tọa lạc tại ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, kích thước chiều ngang 0,1m và chiều dài là 12,25m (bức tường nhà chính của bà T1, tính từ đoạn giáp bức tường nhà tiền chế của bà T1 buộc phá dỡ đo vào 12,25m).

2/ Về chi phí tố tụng:

Tại cấp sơ thẩm: Chi phí thẩm định, định giá tài sản tranh chấp là 9.506.020 đồng, bà Trần Thị T1 và ông Lưu Văn S liên đới phải chịu, vì bà P đã tạm ứng trước chi phí nên bà T1 và ông S có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền này cho bà P.

Tại cấp phúc thẩm: Chi phí thẩm định lại là 990.000 đồng, ông Lưu Văn S phải chịu, ông đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền.

3/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị T1 phải chịu 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), bà có nghĩa vụ nộp số tiền này.

Bà Tô Ngọc P không phải chịu án phí, bà được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002986 ngày 21/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

5/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lưu Văn S phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002417 ngày 04/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, ông S đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

6/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TA tỉnh;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Trần Đề;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quang Nhuận